

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 23/02/2021.

*“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2018 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tư, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh T – Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Địa chỉ: 09 P, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1984.(Vắng mặt)

Địa chỉ: 45 Ấp Tư, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Người làm chứng:

3.1 Ông Giang Cường Đ; Địa chỉ: Ấp Tư, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.
(Vắng mặt)

3.2 Ông Nguyễn Văn P; Địa chỉ: Ấp Tư, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

3.3. Bà Huỳnh Thị N; Địa chỉ: Ấp Tư, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Vào năm 2008, tôi và bà N sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc đến tháng 07/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống, tôi và bà N có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Kim sinh ngày 25/10/2009 . Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N. Về con chung: Tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Anh Kim cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 23/7/2018, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng có ban hành quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số 01/QĐST-HNGĐ với lý do: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N không rút yêu cầu phản tố. Ngày 07/8/2018 Tòa án có thông báo số 01/2018/TB-TA về việc thay đổi địa vị tố tụng của đương sự, theo đó xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N, bị đơn là ông Nguyễn Văn K.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/8/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Tôi và ông K là vợ chồng, chúng tôi đã tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Kim sinh ngày 25/10/2009. Chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do ông K hay bạo hành tôi, nên tôi đã dọn về nhà cha mẹ tôi. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 04/2016 cho đến nay.

Về tài sản chung: Chúng tôi có nhận cầm cố đất 03 công của ông Giang Cường Đ, địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 30.000.000 đồng, khi cầm cố có lập văn bản, hiện tôi đang giữ giấy tờ cầm cố. Sau khi tôi và ông K ly thân, thì ông K là người quản lý, sử dụng đất. Ngoài ra chúng tôi còn nhận cầm cố đất 05 công đất của bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số vàng là 46 chỉ vàng 24k, khi cầm cố có lập văn bản, hiện tôi đang giữ giấy tờ cầm cố. Sau khi tôi và ông K ly thân, thì ông K là người quản lý, sử dụng đất. Chúng tôi còn có một nền đất thổ cư, trên đất có căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, năm 2015 – 2016 ông K phá dỡ nhà cũ, xây nhà mới, ước tính giá trị khoảng 400.000.000 đồng. Về nợ chung: Không có.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Anh K sinh ngày 25/10/2009 đến khi thành niên. Yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng. Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi số tiền cầm cố đất 30.000.000 đồng và số vàng cầm cố đất 46 chỉ vàng 24k, đối với căn nhà yêu cầu chia đôi và xin nhận giá trị. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ngày 01/12/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4, qua quá trình thẩm định thì căn nhà có kết cấu kiểu mái thái, nền lát gạch Creamic, mái lợp tol, trần thạch cao, vách xây tường, cửa sắt + kính có số đo ngang 10m, dài 25m, xây dựng trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Anh K sinh ngày 25/10/2009 đến khi thành niên. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi số tiền cầm cố đất 30.000.000 đồng và chia đôi số vàng cầm cố đất 46 chỉ vàng 24k cho bà Nguyễn Thị Kim N. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2018 và ngày 02/4/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, về con chung. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông K đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông K đồng ý giao con là Nguyễn Thị Anh K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung: đồng ý chia đôi số tiền cầm cố đất 30.000.000 đồng và số vàng cầm cố đất 46 chỉ vàng 24k, về nợ chung; Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn K, người làm chứng ông Giang Cường Đ, bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K, ông Đ, ông P và bà Nga.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, bà N và ông K sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc chung sống của bà N và ông K có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông K đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông K vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông K.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn K đều thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Kim sinh ngày 25/10/2009. Xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2018, ông K cũng đồng ý giao cháu K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và bà N cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu K. Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu chia đôi số tiền cầm có đất là 30.000.000 đồng và số vàng cầm có đất 46 chỉ vàng 24k, xác định giá vàng 1 chỉ là 5.370.000 đồng tại thời điểm xét xử. Bà N không yêu cầu chia đôi và nhận giá trị căn nhà tọa lạc tại Ấp 4, xã C. Việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với yêu cầu chia tài sản là căn nhà tọa lạc tại Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với số tiền cầm có đất là 30.000.000 đồng và số vàng cầm có đất 46 chỉ vàng 24k, căn cứ vào biên bản ghi lời khai ngày 16/3/2018 và 02/4/2018 ông K trình bày: *“Tôi thừa nhận có số tài sản là 30.000.000 đồng tiền cầm có đất của ông Giang Cường Đ và 46 chỉ vàng 24k cầm có đất của ông Phúc và bà Nga. Số tài sản này tôi đang quản lý. Tôi đồng ý chia đôi số tiền cầm có đất 30.000.000 đồng và số vàng cầm có đất 46 chỉ vàng 24k cho bà N”*. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó đối với yêu cầu của bà N yêu cầu được chia đôi số tiền cầm có đất 30.000.000 đồng và số vàng cầm có đất 46 chỉ vàng 24k là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông K có trách nhiệm giao cho bà N số tiền 15.000.000 đồng và 123.510.000 đồng (tương đương 23 chỉ vàng 24k).

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn K thống nhất xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Về án phí dân sự: Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N và ông K mỗi người phải chịu 6.925.500 đồng.

Về chi phí tố tụng: Số tiền 1.800.000 đồng bà N đồng ý chịu.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh Kim sinh ngày 25/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông K mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung:

Đình chỉ một phần đối với yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4, kết cấu kiểu mái thái, nền lát gạch Creamic, mái lợp tol, trần thạch cao, vách xây tường, cửa sắt + kính xây dựng, có số đo ngang 10m, dài 25m, trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn K thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có tạo lập được số tiền cầm cố đất là 30.000.000 đồng; số vàng cầm cố đất là 46 chỉ vàng 24k. Buộc ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền 15.000.000 đồng và 123.510.000 đồng (tương đương 23 chỉ vàng 24k).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn K phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn K thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình) và án phí dân sự là 6.925.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 7.505.950 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002195 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà N còn được nhận lại 280.450 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn K phải chịu là 6.925.500 đồng.

Về chi phí tố tụng: Số tiền 1.800.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim N đồng ý chịu. Bà N đã nộp xong chi phí này.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà